

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/DS-ST;
Ngày: 30/6/2020;
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Châu Vũ Bình;

2/ Ông Nguyễn Quốc Thuần;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXX-ST ngày 08/6/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Văn A** – sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Huỳnh B** – sinh năm 1988;

Đại chỉ: ấp Q, xã K, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Lê Văn C** - sinh năm: 1964;

Trần Thị Mỹ D - sinh năm 1975;

Cùng ngụ: ấp H, xã G, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

(Chị B và anh C có mặt; chị D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh B trình bày: Anh Nguyễn Văn A là chủ đại lý thức ăn gia súc. Từ năm 2016-2019, anh A có bán thức ăn chăn nuôi heo cho anh Lê Văn C và chị Trần Thị Mỹ D. Việc mua bán hai bên thỏa thuận miệng, theo hình thức nợ gởi đầu, khi nào vợ chồng anh C xuất chuồng heo thì phải trả dứt điểm tiền bán thức ăn cho anh A. Những lần lấy thức ăn đều có sổ theo dõi. Bng những lần thanh toán thì vợ chồng

anh C đều nợ lại tiền. Đến ngày 15/10/2019, tổng kết nợ thì vợ chồng anh C tự tay viết và ký tên vào giấy xác nhận nợ tổng cộng là 305.720.000 đồng. Từ khi tổng kết nợ đến nay, anh A đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh C trả nợ nhưng vợ chồng anh C vẫn nhưng không thực hiện trả nợ.

Nay anh Nguyễn Văn A yêu cầu anh Lê Văn C và chị Trần Thị Mỹ D trả cho anh A số tiền mua bán thức ăn còn thiếu là 305.720.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày khởi kiện là 10.150.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn C trình bày: Chị Trần Thị Mỹ D là vợ của anh. Anh thống nhất với nội dung trình bày của đại diện ủy quyền nguyên đơn về việc thỏa thuận mua bán thức ăn. Anh C thừa nhận tính đến ngày 15/10/2019, vợ chồng anh C còn nợ lại anh A số tiền vốn là 305.720.000 đồng. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh C có ý kiến như sau: Vợ chồng anh C đồng ý trả cho anh A số tiền 305.720.000 đồng vào ngày 28/7/2020, không đồng ý trả lãi và không chịu tiền án phí.

* Tại bản tự khai ngày 20/5/2020, bị đơn chị Trần thị Mỹ D trình bày: Chị là vợ của anh Lê Văn C. Chị thống nhất với lời khai của anh C tại Tòa án. Do bận việc nên chị D đề nghị Tòa án cho chị D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa chị B yêu cầu vợ chồng anh C trả cho anh A số tiền vốn là 305.720.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/10/2019 đến ngày xét xử, tính tròn là 08 tháng với lãi suất 0,83%/tháng là 20.299.800 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên tòa, anh C đồng ý trả số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng trả một lần vào ngày 30/6/2021.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh A có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn C và chị Trần Thị Mỹ D trả cho anh A số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 305.720.000 đồng, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp H, xã G, huyện P, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện P có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Mỹ D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng anh C thừa nhận có nợ của anh A số tiền mua bán thức ăn là 305.720.000 đồng từ ngày 15/10/2019. Lời thừa nhận của vợ anh C phù hợp với sổ giao nhận hàng do anh A cung cấp. B vậy có đủ cơ sở kết luận tính đến 15/10/2019, anh C và chị D còn nợ lại anh A số tiền mua bán thức ăn là 305.720.000 đồng. Việc bị đơn nợ tiền thức ăn của nguyên đơn nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi: Anh A yêu cầu vợ anh C và chị D trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/10/2019 đến ngày xét xử (tính tròn 08 tháng) với số tiền là $0,83\%/tháng \times 305.720.000đ \times 08 \text{ tháng} = 20.299.800$. Anh C đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn được bị đơn đồng ý và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

B vậy, tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 305.720.000 đồng + 20.299.800 đồng = 326.019.800 đồng.

[6] Về thời gian trả tiền: Anh C đồng ý trả cho anh A số tiền 326.019.800 đồng, trả một lần vào ngày 30/6/2021, tuy nhiên xét thấy thời hạn trả tiền sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của anh A, đồng thời tại phiên tòa đại diện ủy quyền của anh A cũng không đồng ý nên ý kiến kéo dài thời hạn trả tiền của anh C Tòa án không chấp nhận.

[7] Về án phí do yêu cầu của anh A được chấp nhận toàn bộ nên anh C và chị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn tạm ứng án phí cho anh A

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn A đối với anh Lê Văn C và chị Trần Thị Mỹ D.

Buộc anh Lê Văn C và chị Trần Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn A số tiền vốn là 305.720.000 đồng và tiền lãi là 20.299.800 đồng, tổng cộng là

326.019.800 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu không trăm mười chín ngàn tám trăm đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Anh Lê Văn C và chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 16.301.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm lẻ một ngàn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.896.750 đồng (Bảy triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm năm chục đồng) theo biên lai thu tiền số 0003642 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy